

Phụ lục III
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

Phần 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH (02 thủ tục)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
1	5.000023	Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực Tư pháp. - Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 29/11/2025 của Chủ tịch UBND thành phố quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
2	5.000024	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	

Phần 2

NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sở Tư pháp có văn bản đề nghị các cơ quan, tổ chức rà soát, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật.

Trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản của Sở Tư pháp, các cơ quan, tổ chức căn cứ vào yêu cầu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và điều kiện thực tế chỉ đạo tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật và các đơn vị có liên quan của cơ quan, tổ chức mình rà soát, lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 để Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật với đầy đủ thông tin quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 29/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố gửi Sở Tư pháp tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật.

Bước 2: Trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật (đầy đủ thông tin theo quy định) của các cơ quan, tổ chức, Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng dự thảo Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Trường hợp văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật không đầy đủ thông tin quy định thì trong thời hạn **02** ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị bổ sung thông tin.

Bước 3: Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật theo quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Cách thức thực hiện: Cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của UBND thành phố Hải Phòng (<https://qlvb.hpnet.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật thành phố.

d) Thời hạn giải quyết: **05** ngày làm việc kể từ ngày UBND thành phố nhận được văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật.

đ) Đối tượng thực hiện: Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên, Công an thành phố, Viện kiểm sát nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Thi hành án dân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố và cơ

quan nhà nước thành phố khác (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức), các cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật.

e) Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có): Không

l) Căn cứ pháp lý của:

+ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

+ Nghị định 28/2013/NĐ-CP ngày 04/04/2013 của Chính phủ hướng dẫn luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

+ Nghị định số 121/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

+ Thông tư 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật;

+ Thông tư số 08/2025/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

+ Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực Tư pháp;

+ Thông tư 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp sửa đổi các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

+ Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 29/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sở Tư pháp có văn bản đề nghị các cơ quan, tổ chức rà soát, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật.

Trong thời gian **05** ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản, các cơ quan, tổ chức thực hiện rà soát và có văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật,

Trường hợp văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật không đầy đủ thông tin quy định thì trong thời hạn **02** ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của các cơ quan, tổ chức, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị bổ sung thông tin.

Bước 2: Trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm (đầy đủ thông tin theo quy định) của các cơ quan, tổ chức, Sở Tư pháp dự thảo Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Bước 3: Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật theo quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Cách thức thực hiện: Cơ quan, tổ chức đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của UBND thành phố Hải Phòng (<https://qlvb.hpnet.vn>).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật thành phố.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm.

đ) Đối tượng thực hiện: Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên, Công an thành phố, Viện kiểm sát nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Thi hành án dân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố và cơ quan nhà nước thành phố khác (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức), các cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật.

e) Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân thành phố

g) Kết quả thực hiện: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB:

Các trường hợp miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật bao gồm:

a) Tự nguyện xin thôi làm báo cáo viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác.

b) Không còn là cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân hoặc chuyển công tác khỏi cơ quan, tổ chức đã đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật.

c) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

d) Từ chối không thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp mà không có lý do chính đáng từ 03 lần trở lên.

đ) Thực hiện một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.

e) Bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

g) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.

l) Căn cứ pháp lý:

+ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

+ Nghị định 28/2013/NĐ-CP ngày 04/04/2013 của Chính phủ hướng dẫn luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

+ Nghị định số 121/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

+ Thông tư 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật;

+ Thông tư số 08/2025/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

+ Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực Tư pháp;

+ Thông tư 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp sửa đổi các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

+ Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 29/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.